



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MERUFA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 27

02
06
kh
M
1
10

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Merufa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Merufa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103001415 ngày 20 tháng 01 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 4 năm 2009.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 36.867.230.000 VND.

Đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là Nhà máy sản xuất của Công ty được đặt tại Lô C64/II, Đường Số 8, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	
Ông Phạm Xuân Mai	Chủ tịch	
Ông Lưu Tiến Cảo	Phó Chủ tịch	
Bà Trương Thị Xuân Lan	Ủy viên	
Ông Đặng Quốc Tiến	Ủy viên	Miễn nhiệm từ 01/6/2014
Ông Vũ Văn Minh	Ủy viên	

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Bà Hồ Thị Quế	Trưởng ban
Ông Phạm Hồ Bắc	Ủy viên
Ông Phạm Kim Hải	Ủy viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	
Ông Phạm Xuân Mai	Tổng Giám đốc	
Ông Lưu Tiến Cảo	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đặng Văn Tự	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ 01/7/2014
Ông Hoàng Hữu Phước	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Hồng Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ 19/9/2014

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



PHẠM XUÂN MAI

Tổng Giám Đốc



Số: 15.246/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Merufa (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2015 từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Merufa vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG XUÂN CẢNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN THỤY NHÃ VY

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 1875-2013-026-1

THÀNH KIỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.323.826.090	51.973.570.579
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.959.326.336	802.406.488
1. Tiền	111	(5.1)	1.959.326.336	802.406.488
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(5.2)	14.783.177.934	18.321.715.633
1. Phải thu khách hàng	131		10.017.747.990	13.369.660.462
2. Trả trước cho người bán	132		1.534.350.982	1.367.942.539
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		3.231.078.962	3.584.112.632
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	(5.3)	22.585.437.569	30.546.705.306
1. Hàng tồn kho	141		23.539.373.189	31.500.640.926
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(953.935.620)	(953.935.620)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.995.884.251	2.302.743.152
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		500.138.674	327.971.324
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		852.479.283	1.385.362.517
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		279.904.873	174.563.597
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		363.361.421	414.845.714

(Phần tiếp theo ở trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.930.846.700	46.188.430.954
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		28.702.027.426	31.113.153.428
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.4)	27.931.032.313	30.649.221.258
+ Nguyên giá	222		67.764.480.623	66.072.625.594
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.833.448.310)	(35.423.404.336)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
+ Nguyên giá	228		92.899.000	92.899.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(92.899.000)	(92.899.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		770.995.113	463.932.170
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.5)	1.118.802.189	1.164.217.689
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.550.000.000	1.550.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		196.800.000	196.800.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(627.997.811)	(582.582.311)
V. Tài sản dài hạn khác	260		13.110.017.085	13.911.059.837
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.6)	13.110.017.085	13.911.059.837
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		84.254.672.790	98.162.001.533

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		21.276.279.531	39.039.165.474
I. Nợ ngắn hạn	310		18.588.615.531	39.039.165.474
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.7)	12.820.538.944	17.405.451.292
2. Phải trả người bán	312	(5.8)	1.720.518.342	3.889.779.102
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.8)	1.095.050	7.238.050
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.9)	1.080.486.958	2.529.015.581
5. Phải trả người lao động	315		333.020.303	2.323.279.718
6. Chi phí phải trả	316		399.449.173	239.664.967
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.10)	930.562.873	7.414.318.967
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.11)	1.302.943.888	5.230.417.797
II. Nợ dài hạn	330		2.687.664.000	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	(5.12)	2.687.664.000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.978.393.259	59.122.836.059
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.13)	62.944.060.470	59.088.503.270
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		36.754.040.000	36.754.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.252.024.500	1.252.024.500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(38.000.000)	(38.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.895.205.531	13.895.205.531
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.656.323.885	3.656.323.885
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.424.466.554	3.568.909.354
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		34.332.789	34.332.789
1. Nguồn kinh phí	432		34.332.789	34.332.789
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		84.254.672.790	98.162.001.533

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

7

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chi tiêu	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		1.146.897.802	20.539.779.600
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		8.316.842	8.316.842
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		934,95	963,75
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI LẬP

ĐINH THỊ HỒNG SÂM
Kế toán trưởng

NGƯỜI DUYỆT

**PHẠM XUÂN MAI**
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		85.328.654.840	138.301.475.619
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		758.409.386	3.905.352.200
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	84.570.245.454	134.396.123.419
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	64.210.488.885	98.672.474.281
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.359.756.569	35.723.649.138
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		32.834.034	17.654.092
7. Chi phí tài chính	22	(6.3)	2.007.660.150	2.072.741.645
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.962.244.650	1.724.819.610
8. Chi phí bán hàng	24	(6.4)	7.686.112.952	9.495.706.622
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	10.602.302.994	10.598.479.644
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		96.514.507	13.574.375.319
11. Thu nhập khác	31	(6.6)	5.138.053.476	4.212.441.688
12. Chi phí khác	32		261.857.887	144.916.911
13. Lợi nhuận khác	40		4.876.195.589	4.067.524.777
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.972.710.096	17.641.900.096
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.7)	1.117.152.896	4.438.422.918
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.855.557.200	13.203.477.178
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.13.4)	1.050	3.596

NGƯỜI LẬP


ĐINH THỊ HỒNG SÂM

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI DUYỆT



PHẠM XUÂN MAI

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		92.338.091.431	129.190.620.764
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(55.173.324.395)	(88.767.480.733)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.285.338.493)	(21.969.827.446)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.003.475.207)	(1.743.889.053)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.550.827.600)	(6.790.804.824)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		15.925.056.816	7.706.544.708
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(18.679.669.518)	(16.725.280.901)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20		12.570.513.034	899.882.515
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.020.573.972)	(3.590.063.340)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	64.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(100.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		100.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		32.551.030	14.873.112
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.988.022.942)	(3.511.190.228)

(Phần tiếp theo ở trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		56.499.969.041	75.112.253.235
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(61.084.881.389)	(73.727.630.032)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.840.940.900)	(3.328.599.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài	40		(9.425.853.248)	(1.943.975.847)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		1.156.636.844	(4.555.283.560)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		802.406.488	5.356.851.430
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		283.004	838.618
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		1.959.326.336	802.406.488

NGƯỜI LẬP



ĐINH THỊ HỒNG SÂM
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI DUYỆT



PHẠM XUÂN MAI
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Merufa (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Xí nghiệp Cao su Y tế (trực thuộc Bộ Y Tế), được thành lập dưới sự hợp tác giữa Quỹ Dân số Liên Hiệp Quốc - UNFPA và Chính phủ Việt Nam vào tháng 11 năm 1987. Năm 2002, Xí nghiệp được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Merufa theo Quyết định số 410/QĐ-TTg ngày 27 tháng 5 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001415 ngày 20 tháng 01 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 4 năm 2009.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 là 36.867.230.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2014: Nhà máy sản xuất của Công ty được đặt tại Lô C64/II, Đường Số 8, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có đầu tư vào Công ty liên kết:

Tên	Ngành nghề	Vốn điều lệ đăng ký (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty 31/12/2014	01/01/2014
Công ty Cổ phần Mỹ Bích	Sản xuất, bán buôn mỹ phẩm	3.600.000.000	43%	43%

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 186 (31/12/2013: 253).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và mua bán: Các sản phẩm từ cao su, nhựa, kim loại... dùng trong y tế, trong công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; dụng cụ dùng cho ngành thú y, chăn nuôi (không sản xuất nhựa, cao su, kim loại trong khu dân cư tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Mua bán vật tư các loại, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy móc thiết bị trong sản xuất sản phẩm từ cao su, nhựa, kim loại;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, mua bán mỹ phẩm.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Kế toán trên máy vi tính.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5. Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

▪ Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là chi phí thuê đất, giá vốn công cụ dụng cụ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

▪ Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

▪ Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2014</u>
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10 năm

4.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.9. Thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản lợi ích đã thu hoặc phải thu liên quan tới hợp đồng thuê hoạt động cũng được phân bổ theo đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

4.10. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

4.14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.16. Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

23
ÔN
HIỆ
17
T,
10

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

▪ Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Bao cao su, găng tay y tế và các dụng cụ dùng trong y tế	05%
+ Nút chai các loại	10%
+ Cho thuê mặt bằng	10%

▪ Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.17. Công cụ tài chính

▪ Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

▪ Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	133.721.643	114.710.716
Tiền gửi ngân hàng	1.825.604.693	687.695.772
Tổng cộng	1.959.326.336	802.406.488

(Phần tiếp theo ở trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	10.017.747.990	13.369.660.462
Trả trước cho người bán	1.534.350.982	1.367.942.539
Các khoản phải thu khác	3.231.078.962	3.584.112.632
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	14.783.177.934	18.321.715.633
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	14.783.177.934	18.321.715.633

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó, khoản phải thu của các bên liên quan là 303.250.000 VND – Xem thêm mục 7.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân	207.938.242	215.034.972
Phải thu bảo hiểm xã hội	50.593.452	57.291.769
Phải thu lại của nhân viên	-	122.051.257
Phải thu liên kết khai thác mặt bằng	2.811.577.625	3.141.434.634
Phải thu khác	160.969.643	48.300.000
Cộng	3.231.078.962	3.584.112.632

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	10.468.797.303	9.705.814.474
Công cụ, dụng cụ	862.180.835	947.670.518
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.321.706.664	3.629.747.438
Thành phẩm	7.631.557.452	17.200.006.402
Hàng hóa	40.130.935	17.402.094
Hàng gửi bán	215.000.000	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	23.539.373.189	31.500.640.926
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(953.935.620)	(953.935.620)
Giá trị thuần có thể thực hiện	22.585.437.569	30.546.705.306

(Phần tiếp theo ở trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: Số 38 Trường Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà xưởng vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	VND Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	28.096.356.997	35.921.052.537	1.004.310.247	1.050.905.813	66.072.625.594
Đầu tư XDCB hoàn thành	125.816.650	1.408.492.924	-	-	1.534.309.574
Tăng khác	-	157.545.455	-	-	157.545.455
Số dư cuối năm	28.222.173.647	37.487.090.916	1.004.310.247	1.050.905.813	67.764.480.623
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12.223.910.934	21.986.023.716	756.406.345	457.063.341	35.423.404.336
Khấu hao trong năm	1.377.889.618	2.893.497.538	34.162.125	104.494.693	4.410.043.974
Số dư cuối năm	13.601.800.552	24.879.521.254	790.568.470	561.558.034	39.833.448.310
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	15.872.446.063	13.935.028.821	247.903.902	593.842.472	30.649.221.258
Tại ngày cuối năm	14.620.373.095	12.607.569.662	213.741.777	489.347.779	27.931.032.313

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp cho các khoản vay là 7.026.877.336 VND – Xem thêm mục 5.7.
Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 14.976.554.001 VND.
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang chờ thanh lý là 177.894.892 VND.

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

5.5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.550.000.000	1.550.000.000
Đầu tư dài hạn khác	196.800.000	196.800.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	1.746.800.000	1.746.800.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(627.997.811)	(582.582.311)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	1.118.802.189	1.164.217.689

Đầu tư vào cổ phiếu công ty liên kết được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %	VND
Công ty Cổ phần Mỹ Bích	43%	1.550.000.000	43%	1.550.000.000

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM	34.560	196.800.000	34.560	196.800.000

5.6. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí dầu truyền nhiệt	-	11.853.498
Chi phí thuê đất dài hạn	12.607.807.523	12.991.794.346
Chi phí chờ kết chuyển	502.209.562	907.411.993
Tổng cộng	13.110.017.085	13.911.059.837

Chi phí thuê đất dài hạn là tiền thuê đất trả một lần về quyền sử dụng đất tại địa chỉ Lô C64/II, Đường Số 8, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh với thời hạn 44 năm. Thời gian phân bổ tiền thuê đất còn lại vào chi phí là 30 năm.

5.7. Vay và nợ ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	9.820.538.944	12.405.451.292
Vay đối tượng khác	3.000.000.000	5.000.000.000
Tổng cộng	12.820.538.944	17.405.451.292

Các khoản vay ngân hàng chịu lãi suất từ 0,6% đến 0,75%/tháng đối với VND và được thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất ở Khu công nghiệp Vĩnh Lộc của Công ty – Xem thêm mục 5.4.

Vay đối tượng khác là các khoản vay dưới hình thức tín chấp, thời hạn từ 1 đến 3 tháng và chịu lãi suất từ 0,5% đến 0,6%/tháng đối với VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

5.8. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	1.720.518.342	3.889.779.102
Người mua trả tiền trước	1.095.050	7.238.050
Tổng cộng	1.721.613.392	3.897.017.152

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế xuất, nhập khẩu	-	17.654.715
Thuế thu nhập doanh nghiệp	794.399.747	2.228.074.451
Thuế thu nhập cá nhân	286.087.211	283.286.415
Tổng cộng	1.080.486.958	2.529.015.581

5.10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	192.374.586	192.374.586
Kinh phí công đoàn	-	85.124.472
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	-	211.130.206
Cổ tức phải trả	173.491.102	5.014.432.002
Phải trả Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Minh Thành	-	1.342.200.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	564.697.185	569.057.701
Tổng cộng	930.562.873	7.414.318.967

5.11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	5.230.417.797	4.361.924.035
Trích lập trong năm	-	5.105.479.209
Sử dụng trong năm	(3.927.473.909)	(4.236.985.447)
Số dư cuối năm	1.302.943.888	5.230.417.797

5.12. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ của hợp đồng liên kết hợp tác đầu tư khai thác mặt bằng tại 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

(Phần tiếp theo ở trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: Số 38 Trường Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

5.13. Vốn chủ sở hữu

5.13.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	VND Cộng
Số dư đầu năm trước	36.754.040.000	1.252.024.500	(38.000.000)	7.635.484.974	2.793.773.399	8.100.588.428	56.497.911.301
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	13.203.477.178	13.203.477.178
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(5.507.406.000)	(5.507.406.000)
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	-	6.259.720.557	862.550.486	(7.122.271.043)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.105.479.209)	(5.105.479.209)
Số dư đầu năm nay	36.754.040.000	1.252.024.500	(38.000.000)	13.895.205.531	3.656.323.885	3.568.909.354	59.088.503.270
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	3.855.557.200	3.855.557.200
Số dư cuối năm nay	36.754.040.000	1.252.024.500	(38.000.000)	13.895.205.531	3.656.323.885	7.424.466.554	62.944.060.470

(Phần tiếp theo ở trang 22)

HÀNG
CÔNG TY
CHỨNG
ẤN
89

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

5.13.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	5.940.000.000	5.940.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	30.814.040.000	30.814.040.000
Tổng cộng	36.754.040.000	36.754.040.000

5.13.3. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	3.686.723	3.686.723
▪ Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra	3.675.404	3.675.404
▪ Số lượng cổ phiếu phổ thông mua lại	3.800	3.800
▪ Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	3.671.604	3.671.604
▪ Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu		

5.13.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	3.855.557.200	13.203.477.178
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	3.671.604	3.671.604
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	1.050	3.596

5.13.5. Phân phối lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	3.568.909.354	8.100.588.428
Lợi nhuận sau thuế trong năm	3.855.557.200	13.203.477.178
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	(6.259.720.557)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	-	(862.550.486)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(5.105.479.209)
Chia cổ tức	-	(5.507.406.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	7.424.466.554	3.568.909.354

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	440.654.565	177.477.376
Doanh thu bán thành phẩm	84.888.000.275	137.583.998.243
Giảm giá hàng bán	(692.889.386)	-
Hàng bán bị trả lại	(65.520.000)	(3.905.352.200)
Doanh thu thuần	84.570.245.454	134.396.123.419

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	265.684.325	167.752.616
Giá vốn của thành phẩm đã bán	63.944.804.560	98.504.721.665
Tổng cộng	64.210.488.885	98.672.474.281

6.3. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.962.244.650	1.724.819.610
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.942.362
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	45.415.500	345.979.673
Tổng cộng	2.007.660.150	2.072.741.645

6.4. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.234.565.678	1.222.157.389
Chi phí vật liệu, bao bì	285.150.826	304.773.529
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	14.959.184	17.344.535
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.162.125	17.081.064
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.046.284.204	2.562.513.704
Chi phí bằng tiền khác	4.070.990.935	5.371.836.401
Tổng cộng	7.686.112.952	9.495.706.622

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.371.740.579	5.740.237.284
Chi phí vật liệu quản lý	208.826.763	358.271.414
Chi phí đồ dùng văn phòng	106.681.680	136.139.379
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.495.517.532	991.448.445
Thuế, phí và lệ phí	14.428.700	38.208.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.150.299.885	2.932.167.362
Chi phí bằng tiền khác	254.807.855	402.007.060
Tổng cộng	10.602.302.994	10.598.479.644

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

6.6. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ dự án liên kết khai thác mặt bằng	4.864.020.000	3.904.824.000
Thu tiền phạt, tiền bồi thường	11.430.190	22.215.018
Bán, thanh lý phế liệu, phế phẩm	4.541.274	70.990.910
Tiền cho thuê mặt bằng	-	85.000.000
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.909.091
Thu nhập khác	258.062.012	127.502.669
Tổng cộng	5.138.053.476	4.212.441.688

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	4.972.710.096	17.641.900.096
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	126.276.618	111.791.575
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(21.019.004)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	5.077.967.710	17.753.691.671
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	1.117.152.896	4.438.422.918

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.408.393.203	78.562.956.698
Chi phí nhân công	14.441.051.178	19.876.982.151
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.410.043.974	4.249.975.146
Chi phí dự phòng	45.415.500	1.299.915.293
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.889.773.516	12.577.870.372
Chi phí bằng tiền khác	4.697.255.773	6.086.507.084
Tổng cộng	75.891.933.144	122.654.206.744

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với bên liên quan sau:

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Mỹ Bích

Công ty liên kết

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng – Xem thêm mục 5.2		
Công ty Cổ phần Mỹ Bích	303.250.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Mỹ Bích		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.849.395.586	182.760.360
Mua hàng hóa	216.115.200	86.310.000
Lãi vay	5.147.222	38.124.999

8. THÙ LAO VÀ THU NHẬP CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	179.900.000	210.000.000
Thù lao Ban kiểm soát	69.600.000	72.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	1.660.276.901	1.746.542.190
Tổng cộng	1.909.776.901	2.028.542.190

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

9.1. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

9.2. Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.17.

9.3. Các loại công cụ tài chính

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.959.326.336	802.406.488
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.990.295.258	16.559.395.096
Đầu tư dài hạn khác	196.800.000	196.800.000
Tài sản tài chính khác	24.995.008	21.386.633
Tổng cộng	15.171.416.602	17.579.988.217
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	12.820.538.944	17.405.451.292
Phải trả người bán và phải trả khác	2.458.706.629	10.815.468.805
Chi phí phải trả	399.449.173	239.664.967
Công nợ tài chính khác	2.687.664.000	-
Tổng cộng	18.366.358.746	28.460.585.064

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

9.4. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

9.5. Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Đô la Mỹ (USD)	-	15.942,91	934,95	963,75

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

9.6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

9.7. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

(Phần tiếp theo ở trang 27)

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

	VND		
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	2.458.706.629	-	2.458.706.629
Chi phí phải trả	399.449.173	-	399.449.173
Các khoản vay	12.820.538.944	-	12.820.538.944
Công nợ khác	-	2.687.664.000	2.687.664.000

01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	10.815.468.805	-	10.815.468.805
Chi phí phải trả	239.664.967	-	239.664.967
Các khoản vay	17.405.451.292	-	17.405.451.292

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	VND		
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.990.295.258	-	12.990.295.258
Đầu tư dài hạn khác	-	196.800.000	196.800.000
Tài sản tài chính khác	24.995.008	-	24.995.008
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.559.395.096	-	16.559.395.096
Đầu tư dài hạn khác	-	196.800.000	196.800.000
Tài sản tài chính khác	21.386.633	-	21.386.633

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 16 tháng 3 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI LẬP



ĐINH THỊ HỒNG SÂM
Kế toán trưởng

NGƯỜI DUYỆT




PHẠM XUÂN MAI
Tổng Giám đốc